

TỜ TRÌNH

Đề nghị ban hành Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; Nghị định số 78/2025/NĐ-NĐ ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ. Căn cứ các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh về triển khai Thông tư số 84/2025/TT-BTC ngày 19/8/2025 của Bộ Tài chính và Nghị quyết số 108/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh (*Công văn số 4848/UBND-KTN ngày 21/8/2025; Công văn số 8300/UBND-KTN ngày 22/12/2025*); Công văn số 43/UBND-KTN ngày 06/01/2026 của UBND tỉnh về việc xây dựng Quyết định ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay. Trên cơ sở kết quả rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh ban hành có liên quan đến quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Sở Tài chính kính đề nghị UBND tỉnh xem xét, ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay trên địa bàn tỉnh Lai Châu, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22/11/2014 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tín dụng chính sách xã hội, trong đó tại mục 3 nêu rõ: *“Tập trung nguồn lực và hoàn thiện cơ chế chính sách nhằm thực hiện hiệu quả tín dụng chính sách xã hội”*. Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 30/10/2024 của Ban Bí thư về nâng cao hiệu quả của tín dụng chính sách xã hội trong giai đoạn mới¹.

¹ “3. Hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách tín dụng chính sách xã hội theo hướng bao trùm, bền vững; đặt trong tổng thể thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030, Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030,

- Kết luận số 06-KL/TW ngày 10/6/2021 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội².

- Điều 39 Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15 quy định nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương cụ thể: “1. Chi đầu tư phát triển: c) Cấp bù chênh lệch lãi suất, phí quản lý và ủy thác cho vay qua ngân hàng chính sách để thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương”.

- Thông tư số 84/2025/TT-BTC ngày 19/8/2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

- Kế hoạch số 310-KH/TU ngày 06/02/2025 của Tỉnh ủy Lai Châu về kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 30/10/2024 của Ban Bí thư về nâng cao hiệu quả của tín dụng chính sách xã hội trong giai đoạn mới³.

- Khoản 1 Điều 1 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025, đơn vị hành chính gồm 02 cấp (cấp tỉnh và cấp xã) không còn tổ chức đơn vị hành chính cấp huyện và Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 20/2/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hợp nhất, thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

- Nghị quyết số 108/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu về việc Quy định mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh trích hàng năm ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Cơ sở thực tiễn

- Thực hiện Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối

Chiến lược phát triển Ngân hàng Chính sách xã hội đến năm 2030 và các chương trình mục tiêu quốc gia. Mở rộng phạm vi, quy mô, đối tượng, nâng mức cho vay, thời hạn vay phù hợp với mục tiêu các chương trình mục tiêu quốc gia, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, khả năng cân đối của ngân sách nhà nước, điều kiện phát triển, đặc điểm của từng vùng, miền, chu kỳ sản xuất, kinh doanh; chú trọng cung cấp tín dụng chính sách xã hội cho các đối tượng bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh, học sinh, sinh viên nghèo và các trường hợp khẩn cấp khác... Thực hiện mức ưu đãi cao nhất dành cho hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số và miền núi; tiếp đến là hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo; các đối tượng chính sách khác. Mức ưu đãi được điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế”.

² Tại mục 2 Kết luận số 06-KL/TW ngày 10/6/2021 của Ban Bí thư nêu rõ “2. Tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, kịp thời ban hành cơ chế, chính sách liên quan đến tín dụng chính sách xã hội nhằm huy động, quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn lực tín dụng chính sách xã hội”.

³ Tại mục 3 Kế hoạch số 310-KH/TU ngày 06/02/2025 của Tỉnh ủy Lai Châu chỉ đạo “Nghiên cứu, ban hành các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo và xây dựng nông thôn mới ở địa phương gắn với tín dụng chính sách”.

tượng chính sách khác, ngày 06/01/2025 Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu đã ban hành Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND quy định Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện để cho vay trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Theo đó, Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND đã quy định đầy đủ các nội dung về quản lý và sử dụng nguồn vốn ủy thác, trong đó tại Điều 7 quy định mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, quy trình, thủ tục cho vay và điều kiện cho vay. Việc triển khai thực hiện Quy chế đã góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội theo đúng quy định; trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị được phân định rõ ràng, tăng cường sự phối hợp trong tổ chức thực hiện; nguồn vốn được sử dụng đúng đối tượng, đúng mục đích, góp phần hỗ trợ an sinh xã hội và giảm nghèo bền vững.

- Tuy nhiên, ngày 19/8/2025 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 84/2025/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2017/TT-BTC. Trong đó, tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 84/2025/TT-BTC thẩm quyền quyết định mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay đã được điều chỉnh từ Ủy ban nhân dân tỉnh sang Hội đồng nhân dân tỉnh. Thực hiện quy định này, ngày 09/12/2025 Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 108/2025/NQ-HĐND quy định mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh trích hằng năm để ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Lai Châu. Bên cạnh đó, Thông tư số 84/2025/TT-BTC còn sửa đổi, bổ sung một số nội dung liên quan đến nguồn vốn ngân sách ủy thác, cơ quan chuyên môn ký hợp đồng ủy thác và việc quản lý, sử dụng tiền lãi cho vay quy định tại Điều 3 và Điều 5 Thông tư số 11/2017/TT-BTC; đồng thời không giao địa phương quy định về quy trình, thủ tục cho vay và điều kiện vay vốn.

Do đó, một số nội dung tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, cần được rà soát, điều chỉnh để bảo đảm thống nhất với Thông tư số 84/2025/TT-BTC và nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh. Vì vậy, việc ban hành Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh để thay thế Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 06/01/2025 là cần thiết, bảo đảm đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định của pháp luật.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

1. Mục đích ban hành

Việc xây dựng dự thảo Quyết định của UBND tỉnh nhằm cụ thể hóa và tổ chức thực hiện thống nhất các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội theo Thông tư số 84/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính và nghị quyết của Hội

đồng nhân dân tỉnh, bảo đảm đúng thẩm quyền, thống nhất, đồng bộ của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh. Xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan trong quản lý, sử dụng, theo dõi và giám sát nguồn vốn ủy thác. Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương, góp phần thực hiện các mục tiêu an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lai Châu.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Quyết định

Đảm bảo hợp hiến, hợp pháp, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản hướng dẫn thi hành, tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng ban hành văn bản quy phạm pháp luật, các nội dung phải bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật, kế thừa các quy định hiện hành qua thực tiễn triển khai phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, ngày .../01/2026, Sở Tài chính ban hành văn bản số .../STC-GCS về việc xin ý kiến tham gia vào Dự thảo Quyết định ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Toàn bộ nội dung, hồ sơ dự thảo Quyết định đã được Sở Tài chính gửi Trung tâm tin học và Công báo tỉnh đăng tải lên mục “LẤY Ý KIẾN VỀ DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT” trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Lai Châu.

Đến hết thời gian lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị Sở Tài chính đã nghiên cứu, tổng hợp và tiếp thu ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị, thực hiện rà soát, chỉnh sửa và hoàn thiện dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Sở Tư pháp thẩm định. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số/BC-STP ngày/.../2026, Sở Tài chính đã hoàn thiện dự thảo Quyết định ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

- Phạm vi điều chỉnh: Quy chế quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

- Đối tượng áp dụng: Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Bố cục của dự thảo quyết định

Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay trên địa bàn tỉnh Lai Châu được soạn thảo theo mẫu số 20 ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ. Dự thảo Quyết định gồm 03 Điều. Dự thảo Quy chế kèm theo Quyết định gồm 3 chương, 11 Điều.

3. Nội dung cơ bản

3.1. Nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh để cho vay trên địa bàn tỉnh Lai Châu **(Điều 2)**

(1). Nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh bổ sung hàng năm theo khả năng cân đối.

(2). Nguồn tiền lãi thu được từ cho vay của các đối tượng quy định tại Điều 1 Quy chế này từ nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác, được trích hàng năm để bổ sung vào nguồn vốn ủy thác theo quy định tại khoản 1 Điều 9 và khoản 5 Điều 10 Quy chế này.

3.2. Ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội **(Điều 3)**

(1). Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền Sở Tài chính ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Lai Châu.

(2). Hợp đồng ủy thác gồm những nội dung chính như sau: Thông tin của bên ủy thác, thông tin bên nhận ủy thác, nội dung công việc ủy thác, tổng giá trị ủy thác, quyền và nghĩa vụ của bên ủy thác và bên nhận ủy thác, hiệu lực Hợp đồng và các nội dung cần thiết khác liên quan.

3.3. Lập, phân bổ và quy trình chuyển nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh hàng năm bố trí, bổ sung nguồn vốn ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh **(Điều 4)**

(1). Lập dự toán

a) Căn cứ mục tiêu giảm nghèo, tạo việc làm, mục tiêu thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh hàng năm và khả năng cân đối ngân sách địa phương. Hàng năm, cùng với thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách

nhà nước, Luật Đầu tư công, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước của Bộ Tài chính.

b) Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh báo cáo tình hình thực hiện cho vay 06 tháng đầu năm, dự kiến cả năm và xây dựng dự toán gửi Sở Tài chính tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh theo khả năng cân đối ngân sách địa phương, quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

(2). Phân bổ nguồn vốn ủy thác

Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh báo cáo Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch phân bổ nguồn vốn vay cho Ủy ban nhân dân các xã, phường, chi tiết theo đối tượng vay, chương trình vay.

(3). Quy trình chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương hàng năm

Hình thức cấp phát bằng lệnh chi tiền; hạch toán chi ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

3.4. Đối tượng được vay vốn, mục đích sử dụng vốn, mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay **(Điều 5)**

Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 108/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu.

3.5. Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn **(Điều 6)**

(1). Thẩm quyền gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn: Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh xem xét, quyết định gia hạn nợ theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội trong từng thời kỳ, phù hợp với nguồn vốn do ngân sách cấp tỉnh ủy thác.

(2). Về thủ tục, hồ sơ đề nghị gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, thời gian gia hạn nợ: Thực hiện theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội trong từng thời kỳ.

(3). Định kỳ 06 tháng, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo tình hình gia hạn nợ trong báo cáo quản lý sử dụng nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác gửi Sở Tài chính để theo dõi, tổng hợp.

3.6. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay **(Điều 7)**

(1). Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh quản lý và hạch toán số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy

thác vào thu nhập của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và quản lý, sử dụng theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên sau:

a) Trích lập rủi ro tín dụng chung theo quy định tại Quy chế quản lý tài chính của Ngân hàng chính sách xã hội và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính. Trường hợp tại thời điểm trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh thấp hơn 0,75% thì Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay (không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh).

b) Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh theo dư nợ cho vay bình quân. Mức phí quản lý tối thiểu bằng mức phí quản lý Thủ tướng Chính phủ giao cho Ngân hàng chính sách xã hội trong từng thời kỳ. Trường hợp lãi thu được sau khi trích quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung không đủ trích phí quản lý cho Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh phối hợp với Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh để xử lý.

c) Trích phí chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội, các sở, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh nhận ủy thác từ ngân sách cấp tỉnh. Mức trích 10% số tiền lãi thu được, trong đó: 5% cho công tác chỉ đạo điều hành, quản lý, thanh tra, kiểm tra giám sát, hội họp, chi hội nghị sơ kết, tổng kết....; 5% dành cho công tác thi đua khen thưởng; giao cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội quản lý và chi theo quy định tại khoản 3 Điều này.

d) Phần còn lại (nếu có) được bổ sung vào nguồn vốn cho vay.

(2). Quyết định sử dụng lãi vay

a) Thẩm quyền quyết định sử dụng lãi vay là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, phù hợp nguồn vốn ủy thác.

b) Trước ngày 15/01 hàng năm, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh có trách nhiệm: Báo cáo phân bổ lãi cho vay thu được năm trước gửi Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt sử dụng lãi vay thu được trong năm và làm cơ sở đối chiếu, xác nhận số kinh phí phải cấp bù cả năm.

(3). Nội dung và mức chi công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng

a) Chi tổ chức họp, hội nghị, sơ kết, tổng kết hoạt động ủy thác vốn cho vay qua Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay theo các nội dung quy định tại Quy chế này. Nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số

40/2017/TTBTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị; Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị; Nghị quyết số 67/2025/NQ-HĐND ngày 26/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi công tác phí, mức chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

b) Chi công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật về cho vay thực hiện theo Nghị quyết số 46/2024/NQ-HĐND ngày 30/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức chi cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

c) Chi hội nghị tập huấn nghiệp vụ hoạt động ủy thác vốn qua Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay theo các nội dung quy định tại Quy chế này. Nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và hỗ trợ luân chuyển cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND ngày 29/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND; Nghị quyết số 42/2023/NQ-HĐND ngày 17/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND, số 12/2022/NQ-HĐND ngày 29/3/2022.

d) Chi văn phòng phẩm, in tài liệu triển khai các nhiệm vụ liên quan hoạt động ủy thác vốn cho vay. Mức chi căn cứ vào khối lượng công việc thực tế và hóa đơn, chứng từ theo quy định.

đ) Chi kiểm tra, giám sát công tác hoạt động ủy thác vốn cho vay qua Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay theo các nội dung quy định tại Quy chế này. Nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị; Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị; Nghị quyết số 67/2025/NQ-HĐND ngày 26/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

e) Chi khen thưởng cho tập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong công tác quản lý vốn cho vay; chủ dự án, người vay vốn sử dụng hiệu quả vốn vay. Mức chi theo quy định tại Quyết định số 19/2024/QĐ-UBND ngày 06/6/2024

của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy chế về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

f) Chi làm thêm ngoài giờ phục vụ công tác quản lý nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh ngân hàng chính sách xã hội tỉnh.

3.7. Xử lý nợ bị rủi ro (**Điều 8**)

(1). Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan: Đối tượng được xem xét xử lý rủi ro, nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng, biện pháp xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý nợ bị rủi ro được áp dụng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội từng thời kỳ.

(2). Thẩm quyền xem xét xử lý rủi ro

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xem xét xử lý nợ bị rủi ro đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác trên cơ sở đề xuất của Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh, sau khi có ý kiến của các thành viên Ban đại diện hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, các đơn vị liên quan bằng văn bản.

(3). Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro

Đối với các khoản nợ vay từ nguồn vốn vay ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh lấy từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng cấp tỉnh đã được Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh trích lập và quản lý theo quy định.

(4). Trường hợp quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp, tùy theo tình hình thực tế khoản vay bị rủi ro

Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh đề xuất gửi Sở Tài chính tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung ngân sách cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để xử lý, hoặc giảm trực tiếp vào nguồn vốn ủy thác của ngân sách cấp tỉnh chuyển qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

(5). Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa, được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định.

3.8. Chế độ báo cáo (**Điều 9**)

(1). Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh định kỳ báo cáo và gửi Sở Tài chính, cụ thể:

a) Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác 06 tháng đầu năm, ước thực hiện cả năm, nhu cầu vay vốn năm sau: trước 10/7 hằng năm.

b) Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác cả năm: trước ngày 10/01 năm sau.

c) Báo cáo phân bổ lãi thu được cả năm: trước ngày 15/01 hằng năm.

d) Các báo cáo đột xuất theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh và đề nghị của Sở Tài chính.

(2). Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình thực hiện cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn trên cơ sở tổng hợp báo cáo của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh. Cụ thể:

a) Báo cáo 06 tháng: trước ngày 20/7 hằng năm.

b) Báo cáo năm: trước ngày 25/01 năm sau.

3.9. Hạch toán, theo dõi cho vay, chế độ báo cáo quyết toán (**Điều 10**)

Việc ghi chép, hạch toán kế toán đối với nguồn vốn ủy thác và dư nợ cho vay được theo dõi, hạch toán vào tài khoản kế toán riêng theo các văn bản hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội.

3.10. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương (**Điều 11**)

(1). Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh

a) Ký hợp đồng ủy thác với Sở Tài chính.

b) Hướng dẫn quy trình, thủ tục cho vay, bảo đảm tiền vay, điều kiện vay vốn, định kỳ trả nợ, thu lãi, xử lý nợ đến hạn, gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, theo quy định hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội và phù hợp với thực tế địa phương. Công khai quy định về lãi suất vay của từng đối tượng được vay vốn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ từng thời kỳ.

c) Xây dựng dự toán, kế hoạch phân bổ nguồn vốn vay chi tiết theo đối tượng và chương trình vay.

d) Tiếp nhận, quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác, cho vay đúng đối tượng, đúng quy định, đúng kế hoạch phân bổ vốn vay cấp thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo sử dụng hiệu quả và bảo toàn nguồn vốn được ủy thác quản lý.

đ) Theo dõi nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác chi tiết từng địa bàn, tổ chức thực hiện chỉ tiêu kế hoạch tín dụng được cấp thẩm quyền phê duyệt.

e) Thẩm định theo quy định hồ sơ đề nghị xử lý nợ bị rủi ro, tổng hợp xin ý kiến thành viên Ban đại diện, các đơn vị liên quan, báo cáo Ủy ban nhân dân

tỉnh xem xét, quyết định xử lý nợ bị rủi ro cho vay từ nguồn ngân sách cấp tỉnh ủy thác.

f) Tham mưu phát động các phong trào thi đua; ban hành các tiêu chí đánh giá thi đua cụ thể. Kết thúc các đợt thi đua, tổng hợp kết quả đề nghị Trưởng ban Đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong quản lý và sử dụng nguồn vốn vay ủy thác từ ngân sách.

g) Phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí ủy thác.

h) Thực hiện chế độ báo cáo, phối hợp các cơ quan liên quan theo quy định.

(2). Sở Tài chính

a) Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan xem xét, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung nguồn vốn ủy thác ngân sách địa phương qua Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh cho vay theo quy định.

b) Chuyển nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác sang Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh theo Hợp đồng ủy thác giữa Sở Tài chính và Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh.

c) Phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và các đơn vị có liên quan kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí ủy thác và việc phân phối, sử dụng lãi cho vay thu được theo Điều 9 Quy chế này. Thực hiện việc quyết toán nguồn kinh phí ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh theo quy định của Luật Ngân sách và văn bản hướng dẫn.

d) Thực hiện chế độ báo cáo, phối hợp các cơ quan liên quan và các nhiệm vụ khác được quy định tại Quy chế này.

(3). Sở Nội vụ

Chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai các chương trình, đề án về đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn gắn với hoạt động tín dụng chính sách xã hội. Phối hợp với các tổ chức chính trị xã hội tổ chức lồng ghép các chương trình, dự án, lựa chọn ngành nghề, thị trường lao động với việc sử dụng vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay.

(4). Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 3 (phụ trách địa bàn Lai Châu)

a) Thực hiện công tác quản lý nhà nước, đặc biệt là công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất đối với hoạt động của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

b) Kiểm tra giám sát quản lý sử dụng nguồn vốn ủy thác và việc phân phối, sử dụng lãi cho vay thu được theo Điều 9 Quy chế này.

(5). Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai chương trình mục tiêu quốc gia “Xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035” với các chương trình, dự án sản xuất - kinh doanh, chuyển đổi cơ cấu, lựa chọn cây trồng, vật nuôi, các chương trình chuyển giao công nghệ gắn với hoạt động tín dụng chính sách xã hội.

b) Phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và các đơn vị có liên quan kiểm tra nguồn ngân sách cấp tỉnh ủy thác để cho vay .

(6). Sở Dân tộc và tôn giáo

Phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và các đơn vị có liên quan kiểm tra nguồn ngân sách cấp tỉnh ủy thác để cho vay.

(7). Công an tỉnh

Hàng năm cùng vào thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, chủ trì rà soát, tổng hợp đối tượng vay vốn đối với người chấp hành xong án phạt tù và cơ sở sản xuất kinh doanh có sử dụng người lao động là người chấp hành xong án phạt tù gửi Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh tổng hợp.

(8). Các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác

a) Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập Tổ tiết kiệm và vay vốn để thực hiện ủy thác cho vay.

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo các văn bản và hợp đồng ủy thác đã ký với Ngân hàng chính sách xã hội.

(9). Ủy ban nhân dân xã, phường

a) Chịu trách nhiệm xác nhận đối tượng vay vốn theo từng chương trình cho vay.

b) Phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra sử dụng vốn vay, đơn đốc trả nợ, trả lãi; kiểm tra, phúc tra hộ vay vốn bị rủi ro trên địa bàn.

c) Phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh xử lý các trường hợp nợ chây ỳ, nợ quá hạn....; hướng dẫn hộ vay lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ rủi ro do nguyên nhân khách quan; tham gia tổ đôn đốc thu hồi nợ khó đòi.

(10). Xử lý vướng mắc

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh và Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH BAN HÀNH

1. Quyết định của UBND tỉnh Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay trên địa bàn tỉnh Lai Châu sau khi được UBND tỉnh ban hành tạo cơ sở pháp lý để các cơ quan, tổ chức, đơn vị tổ chức triển khai, thực hiện đảm bảo đúng thẩm quyền, đồng bộ, tuân thủ quy định và không làm phát sinh thêm bộ máy, biên chế và kinh phí thực hiện.

2. Dự kiến thời gian ban hành: Tháng 3 năm 2026.

VI. TÀI LIỆU GỬI KÈM

(1) Dự thảo Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

(2) Báo cáo tổng kết việc thi hành Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 06/01/2025 của UBND tỉnh.

(3) Báo cáo đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo Quyết định.

(4) Báo cáo đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự thảo Quyết định.

(5) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo.

(6) Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

(7) Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp.

(8) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

Trên đây là Tờ trình của Sở Tài chính về Dự thảo Quyết định Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi

nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay trên địa bàn tỉnh Lai Châu, Sở Tài chính kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tư pháp;
- Đ/c Phạm Quý Dương (PGĐ sở);
- Lưu: VT, GCS.

GIÁM ĐỐC

Lê Tuấn Anh